

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 986 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 11 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành công thương tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1824/TTr-SCT ngày 09 tháng 4 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 04 thủ tục hành chính và 06 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành công thương tỉnh Đồng Nai (*Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các thủ tục hành chính có số thứ tự 23, 24 thuộc Lĩnh vực an toàn thực phẩm cấp tỉnh và số thứ tự 16, 17 thuộc lĩnh vực an toàn thực phẩm cấp huyện đối với Quyết định số 1844/QĐ-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh.

Điều 3. Sở Công Thương, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm phối hợp Sở Công Thương cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cập nhật nội dung các thủ tục hành chính, cấu hình quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành được công bố theo Quyết định này lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Thông tin và Truyền thông, Công Thương; UBND các huyện, UBND thành phố Biên Hòa và UBND thành phố Long Khánh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Công Thương;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
I	LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM							
1	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	23 (hai mươi ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương (Tầng 4 – Trụ sở Khối nhà nước tỉnh, địa chỉ: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn (nếu có).	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.	1.000.000 lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); 2.500.000 lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công

¹ Phần chữ In nghiêng là Nội dung sửa đổi, bổ sung

² Đã được cập nhật công khai trên Cổng dịch vụ công Quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>)

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
							phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 5 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm - Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh.	Thương về việc công bố thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
2	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương (Tầng 4 – Trụ sở Khối nhà nước tỉnh, địa chỉ: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua cổng dịch vụ	- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Công Thương - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.	1.000.000 lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); 2.500.000 lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật an toàn thực phẩm; - Nghị định 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế.	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi,

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng	công trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn (nếu có).			hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi một số nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 5 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực	bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			kinh doanh: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.				phẩm - Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh.	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
3	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý ngành công thương.	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.	1.000.000 lần/cơ sở (đối với cơ sở kinh doanh); 2.500.000 lần/ cơ sở (đối với cơ sở sản xuất).	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực	Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
							quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; - Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương; - Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh, Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021.	<i>thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.</i>
4	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý ngành công thương.	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn.	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Phòng Kinh tế/Kinh tế hạ tầng - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện	1.000.000 lần/cơ sở, đối với cơ sở kinh doanh; 2.500.000 lần/ cơ sở, đối với cơ sở sản xuất (đối với trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi	- Luật An toàn thực phẩm năm 2010; - Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;	<i>Nội dung TTHC thực hiện theo Quyết định số 739/QĐ-BCT ngày 29 tháng 3 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 688A/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố</i>

ST T	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí (Sửa đổi, bổ sung) ¹	Căn cứ pháp lý	Ghi chú ²
			ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			Giấy chứng nhận hết hiệu lực).	- Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 02/02/2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 5 tháng 8 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm; - Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 và Quyết định số 19/2021/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh.	thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung/bị bãi bỏ thuộc chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI
QUYẾT CỦA NGÀNH CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

**Phần I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ**

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang
A	CẤP TỈNH					
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm					
1	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	23 (hai mươi ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương (Tầng 4 – Trụ sở Khối nhà nước tỉnh, địa chỉ: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn (nếu có).	Sửa đổi	13
2	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 23 (hai mươi ba)	Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Sở Công Thương (Tầng 4 – Trụ sở Khối nhà nước tỉnh, địa chỉ: Số 02, Nguyễn Văn Trị, phường Thanh Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn (nếu có).	Sửa đổi	14-15

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang
			ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
B	CẤP HUYỆN					
I	Lĩnh vực An toàn thực phẩm					
1	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.gov.vn hoặc https://dichvucong.gov.vn.	Sửa đổi	16
2	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn	- Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng:	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện đến Bộ phận tiếp	Sửa đổi	17-18

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang
		thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện.	03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực: 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp cơ sở thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Trường hợp cơ sở thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất, mặt hàng kinh doanh: 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện. - Nộp trực tuyến tại địa chỉ: dichvucong.dongnai.g ov.vn hoặc https://dichvucong.go v.vn.		

Phần II
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

Lưu đồ giải quyết: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓ Nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và chuyển cho phòng chuyên môn	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓ Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý công nghiệp	19 ngày
↓ Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Công Thương	02 ngày
↓ Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓ Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	0,5 ngày

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện

* Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (03 ngày làm việc= 24h làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	3h
Nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và chuyển cho phòng chuyên môn	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	3h
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Công nghiệp	8h
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Công Thương	6h
Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	2h
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	2h

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Thời hạn giải quyết: 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (23 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓		
Nhận hồ sơ từ Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và chuyển cho phòng chuyên môn	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓		
Giải quyết hồ sơ	Phòng Quản lý Công nghiệp	19 ngày
↓		
Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo Sở Công Thương	2 ngày
↓		
Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Bộ phận giao, nhận hồ sơ của Sở Công Thương	0,5 ngày
↓		
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Công Thương	0,5 ngày

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

1. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý ngành công thương

Lưu đồ giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (25 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển cho phòng Kinh tế/Kinh tế- hạ tầng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
Nhận hồ sơ và chuyển cho bộ phận nghiệp vụ	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	14 ngày
Ký Tờ trình	Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận hồ sơ và chuyển cho Văn phòng UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận hồ sơ và trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký	Văn phòng UBND cấp huyện	6 ngày
Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày

2. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý ngành công thương

* Trường hợp cấp lại do Giấy chứng nhận bị mất hoặc bị hỏng; Trường hợp đề nghị cấp lại do cơ sở có thay đổi tên cơ sở nhưng không thay đổi chủ cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất; Trường hợp đề nghị cấp lại do thay đổi chủ cơ sở nhưng không thay đổi tên cơ sở, địa chỉ, địa điểm và toàn bộ quy trình sản xuất

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (3 ngày làm việc= 24 h làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển cho phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	2h
Nhận hồ sơ và chuyển cho bộ phận nghiệp vụ	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	2h
Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	6h
Ký Tờ trình	Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	3h
Nhận hồ sơ và chuyển cho Văn phòng UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	2h
Nhận hồ sơ và trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký	Văn phòng UBND cấp huyện	5h
Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	2h
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	2h

* Trường hợp cấp lại do cơ sở thay đổi vị trí địa lý của địa điểm sản xuất; thay đổi, bổ sung quy trình sản xuất và khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực.

Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Lưu đồ giải quyết:

Nội dung công việc	Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (25 ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân và chuyển cho phòng Kinh tế/Kinh tế- hạ tầng	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày
Nhận hồ sơ và chuyển cho bộ phận nghiệp vụ	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Giải quyết hồ sơ	Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	14 ngày
Ký Tờ trình	Lãnh đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận hồ sơ và chuyển cho Văn phòng UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận hồ sơ và trình lãnh đạo UBND cấp huyện ký	Văn phòng UBND cấp huyện	6 ngày
Nhận và chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	Bộ phận giao nhận Phòng Kinh tế/Kinh tế - hạ tầng	1 ngày
Nhận và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện	0,5 ngày